

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2023

*“V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình - Ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 461/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 352/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T vắng mặt tại phiên tòa; Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lãnh ngày 05/02/2018.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không quan tâm, chăm sóc

chồng con. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, anh H và chị T không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay anh Nguyễn Văn H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh H yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Anh H và chị T có 01 con chung, tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay con chung đang sống cùng anh H.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị T: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, chị T cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

1. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Nguyễn Văn H và Trần Thị T;

2. Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị T;

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 28/11/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn chị Trần Thị T đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Chị Trần Thị T đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn Trần Thị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; thông báo hòa giải và công khai chứng cứ; thông báo kết quả công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vẫn không có mặt cũng như không có văn bản nêu ý kiến, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, chị T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lãnh ngày 05/02/2018 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, anh H và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh H và chị T không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là chị T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh H.

[6] Về nuôi con: Anh H và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay, con chung đang sống cùng anh H.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T. Xét thấy, hiện nay cháu T đang chung sống với anh H ổn định, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển con chung. Hơn nữa cháu Nguyễn có nguyện vọng tiếp tục sống với anh H. Phía chị T không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị T sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu T theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của anh H.

Chị T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị T sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Khi nào có yêu cầu anh H có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014516 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 6, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với chị Trần Thị T về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/9/2015. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh H không có yêu cầu.

Chị Trần Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014516 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai

Trần Văn Đô